

UBND TỈNH VĨNH LONG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ VĨNH LONG



**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“TRUNG TÂM VĂN HÓA – THỂ THAO
CỤM PHƯỜNG 1, PHƯỜNG 5”**

TẠI PHƯỜNG 5, THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

Vĩnh Long, tháng năm 2023

UBND TỈNH VĨNH LONG
BAN QUẢN LÝ DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ VĨNH LONG
❧ ❧ ❧

**BÁO CÁO ĐỀ XUẤT CẤP
GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ**

**“TRUNG TÂM VĂN HÓA – THỂ THAO
CỤM PHƯỜNG 1, PHƯỜNG 5”**

TẠI PHƯỜNG 5, THÀNH PHỐ VĨNH LONG, TỈNH VĨNH LONG

CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

MỤC LỤC

MỤC LỤC.....	3
DANH MỤC CÁC BẢNG	5
DANH MỤC CÁC HÌNH.....	6
DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT.....	7
CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ	8
1.1. Tên Chủ dự án đầu tư.....	8
1.2. Tên dự án đầu tư	8
1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm sản xuất của dự án đầu tư	9
1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng và nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	19
1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư	20
CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG	25
2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)	25
2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)	25
CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ... ..	26
3.1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án.....	26
3.2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án.....	26
3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án	26
CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	29
4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án.....	29
4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành	37
4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường.....	41
4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo	42
CHƯƠNG V: NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG.....	45

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải	45
5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải	45
5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung	45
5.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại.....	45
5.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất	45
5.6. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn.....	46
CHƯƠNG VI: KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN.....	48
6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư	48
6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật.....	48
CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ.....	49
PHỤ LỤC.....	50

DANH MỤC CÁC BẢNG

Bảng 1: Vị trí các toạ độ	8
Bảng 2: Thông kê quy mô sử dụng đất của dự án.....	10
Bảng 3: Các hạng mục xây dựng dự án	10
Bảng 4: Nhu cầu sử dụng điện	18
Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước và khối lượng nước thải của dự án	19
Bảng 6: Danh mục máy móc, thiết bị của dự án	20
Bảng 7: Kế hoạch thực hiện dự án	24
Bảng 8: Hiện trạng không khí khu vực dự án	27
Bảng 9: Chất thải nguy hại giai đoạn thi công xây dựng	30
Bảng 10: Khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại giai đoạn vận hành.....	39
Bảng 11: Dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án.....	41
Bảng 12: Mức độ tin cậy của các đánh giá	43

DANH MỤC CÁC HÌNH

Hình 1: Vị trí địa lý của dự án.....	9
Hình 2: Sơ đồ hoạt động của dự án	18
Hình 3: Sơ đồ thu gom, thoát mưa của dự án	37
Hình 3: Sơ đồ hầm tự hoại 03 ngăn.....	38

DANH MỤC CÁC TỪ VÀ CÁC KÝ HIỆU VIẾT TẮT

BHLĐ	Bảo hộ lao động
BOD	Nhu cầu oxy sinh hóa
BTNMT	Bộ Tài nguyên và Môi trường
BQL	Ban quản lý
CBCNV	Cán bộ, công nhân viên
COD	Nhu cầu oxy hóa học
CTNH	Chất thải nguy hại
KT-XH	Kinh tế - Xã hội
PCCC	Phòng cháy chữa cháy
QCVN	Quy chuẩn Việt Nam
SX	Sản xuất
TCVN	Tiêu chuẩn Việt Nam
TM	Thương mại
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TSS	Tổng lượng chất rắn lơ lửng
UBND	Ủy ban nhân dân
WHO	Tổ chức Y tế thế giới

CHƯƠNG I: THÔNG TIN CHUNG VỀ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

1.1. Tên Chủ dự án đầu tư

- Tên Chủ dự án đầu tư: Ban Quản lý dự án Đầu tư Xây dựng thành phố Vĩnh Long.
- Địa chỉ văn phòng: Phường 2, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long.
- Người đại diện theo pháp luật của Chủ dự án đầu tư: Ông Trần Kiến Thức.
- Chức vụ: Giám đốc Ban
- Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Vĩnh Long được quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức theo Quyết định số 4153/QĐ-UBND ngày 09/10/2015 của UBND thành phố Vĩnh Long.

1.2. Tên dự án đầu tư

1.2.1. Tên dự án đầu tư:

- Tên dự án: Trung tâm văn hóa – thể thao cụm Phường 1, Phường 5.

1.2.2. Địa điểm thực hiện dự án đầu tư

Dự án đầu tư “Trung tâm văn hóa – thể thao cụm Phường 1, Phường 5” được thực hiện tại phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long với tổng diện tích khu đất thực hiện dự án đầu tư là 2.851,3 m².

Bảng 1: Tọa độ các điểm mốc của dự án

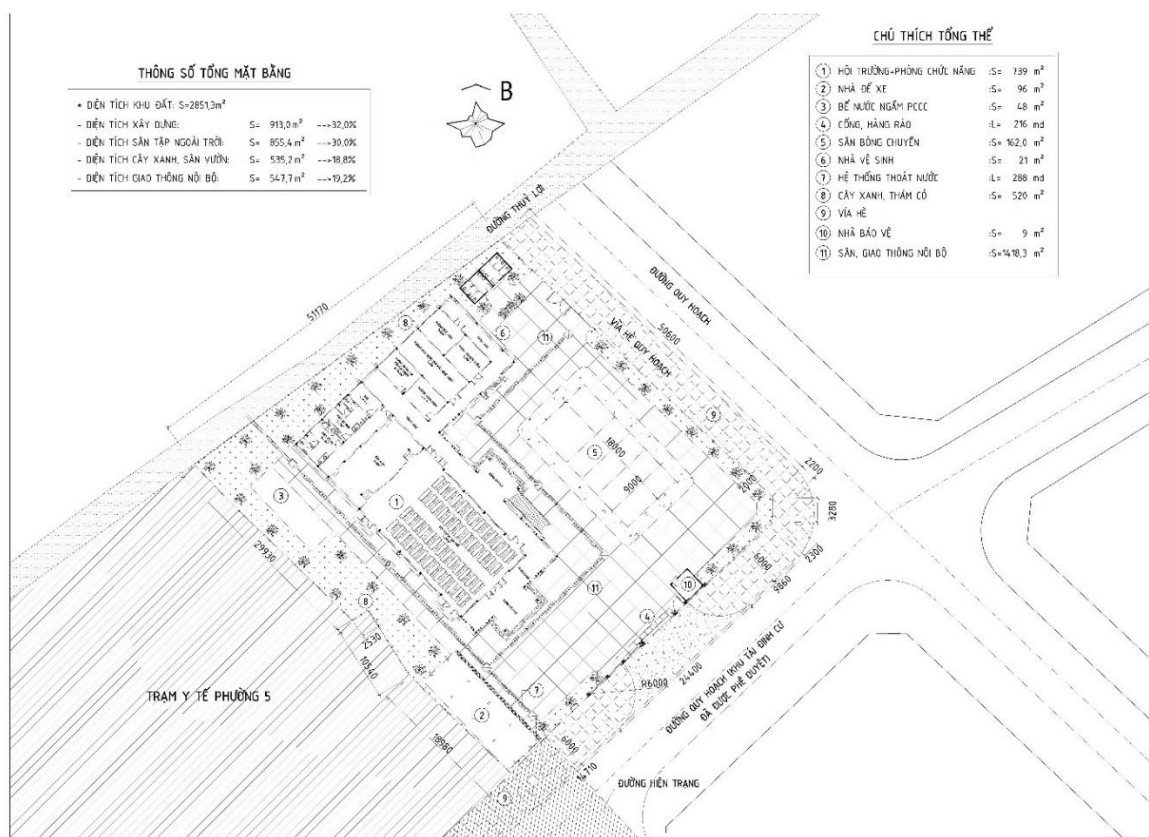
Số hiệu điểm góc	Tọa độ VN2000 (KT 105°30', múi 3°)	
	X (m)	Y (m)
1	1134171	553075
2	1134176	553080
3	1134205	553110
4	1134208	553110
5	1134243	553073
6	1134228	553053
7	1134219	553041
8	1134212	553032
9	1134207	553037
10	1134191	553053
11	1134193	553055
12	1134184	553061

Vị trí của dự án tiếp giáp như sau:

- + Phía Bắc: giáp kênh thủy lợi.
- + Phía Nam: giáp đất dân.
- + Phía Đông: giáp đất dân.
- + Phía Tây: giáp trạm y tế phường 5.

Khu vực dự án cách UBND phường 5 khoảng 45m, khu vực dự án cách Chợ Vĩnh Long khoảng 2,1km. Dự án không nằm gần khu dân cư, xung quanh dự án không có các công trình tôn giáo, di tích lịch sử nào.

Vị trí địa lý của dự án được thể hiện trong hình sau:



Hình 1: Vị trí địa lý của dự án

1.2.3. Quy mô của dự án đầu tư

Quy mô của dự án đầu tư (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công):

- Tổng vốn đầu tư của dự án là 34.697.287.139 đồng, dự án có quy mô tương đương với dự án nhóm C theo quy định tại mục V Phần A phụ lục I Nghị định 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật đầu tư công (tổng mức đầu tư dưới 45 tỷ đồng) và không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường.

- Dự án thuộc dự án đầu tư nhóm III theo quy định tại STT 2 Mục II Phụ lục V ban hành kèm theo Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: thuộc đối tượng không phải thực hiện đánh giá tác động môi trường (theo quy định tại điểm b khoản 5 điều 28 Luật BVMT 2020 và STT 2 phụ lục V, NĐ 08/2022/NĐ-CP); thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường (theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Luật BVMT 2020 và phụ lục V Nghị định số 08/2022/NĐ-CP). Thẩm quyền cấp giấy phép môi trường thuộc Ủy ban Nhân dân thành phố Vĩnh Long (theo quy định tại khoản 4 điều 41 Luật bảo vệ môi trường).

1.3. Công suất, công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

1.3.1. Công suất hoạt động của dự án đầu tư

Theo Báo cáo Nghiên cứu khả thi của dự án “Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5” tháng 12/2023 và Quyết định số 5693/QĐ-UBND ngày 27/10/2022 của UBND thành phố Vĩnh Long về chủ trương đầu tư xây dựng dự án: Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5; Quyết định số 3297/QĐ-UBND ngày 10/8/2023 của UBND thành phố Vĩnh Long về việc phê duyệt điều chỉnh chủ trương đầu tư xây dựng công trình: Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5; Quyết định số 4443/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND thành phố Vĩnh Long về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng: Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5 và Quyết định số 5081/QĐ-UBND ngày 13/11/2023 của UBND thành phố Vĩnh Long về việc điều chỉnh Quyết định số 4443/QĐ-UBND ngày 16/10/2023 của UBND thành phố Vĩnh Long về việc phê duyệt điều chỉnh dự án đầu tư xây dựng: Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5 thì quy mô công suất hoạt động của dự án như sau:

- Quy mô sử dụng đất:

Bảng 2: Thống kê quy mô sử dụng đất của dự án

STT	Mục đích sử dụng đất	Diện tích (m ²)	Tỷ lệ (%)
I	Diện tích xây dựng	913,0	32,0
II	Diện tích sân tập ngoài trời	855,4	30,0
III	Diện tích cây xanh, sân vườn	535,2	18,8
IV	Diện tích giao thông nội bộ	547,7	19,2
	TỔNG CỘNG:	2.851,3	100,0

(Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án)

- Các hạng mục đầu tư xây dựng:

Bảng 3: Các hạng mục xây dựng của dự án

STT	Hạng mục	ĐVT	Quy mô
A	Các hạng mục công trình chính:		
1	Xây dựng hội trường và các phòng chức năng	m ²	739,0
	- Hội trường	m ²	240,0
	- Sân khấu	m ²	72,0
	- Phòng hành chính	m ²	18,0
	- Phòng truyền thanh	m ²	18,0

	- Phòng hoạt động văn hóa, nghệ thuật	m ²	40,0
	- Phòng đọc sách	m ²	20,0
	- Phòng truyền thống	m ²	20,0
	- Kho, phòng thay đồ, nhà vệ sinh	m ²	53,0
	- Sân, hành lang	m ²	258,0
B	Các hạng mục công trình phụ:		
1	Nhà xe	m ²	96
2	Nhà vệ sinh	m ²	21
3	Cổng, hàng rào	md	218
4	Nhà bảo vệ	m ²	9
5	San lấp mặt bằng	m ³	3.421
6	Bể nước PCCC	m ³	110
7	Hệ thống PCCC	HT	1
8	Sân sinh hoạt, sân thể thao	m ²	1.135
9	Sân bóng chuyền	m ²	162
10	Sân trồng cỏ, cây xanh	m ²	535,2
11	Hệ thống cấp nước	md	200
12	Hệ thống thoát nước ngoại vi	md	171
13	Cấp điện tổng thể và chiếu sáng ngoại vi	HT	1
14	Trạm biến áp	HT	1

(Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án)

1. Khối hội trường và các phòng chức năng:

- Khối nhà có quy mô cấp III (trệt).
- Bố trí mặt bằng hình L có kích thước (15x37,7)m.+(12,2x13,8)m
- Diện tích xây dựng khoảng: S=737m².
- Cao trình nền hoàn thiện ±0.000 của khối nhà cao hơn mặt sân xây mới là 0,450 mét.
- Cao độ trần các phòng chức năng và hành lang là +4.000 mét (tính từ cote nền ±0.000).

- Cao độ trần hội trường là +6.500 mét (tính từ cote nền ± 0.000).
- Cao độ sân là +6.50 mét (tính từ cote nền ± 0.000).
- Cao độ đỉnh mái là +9.20 mét (tính từ cote nền ± 0.000).

*** Tường:**

- Tường lan can xây gạch ống 80x80x180 (gạch đất nung) vữa xi măng cấp độ bền B5. Trát vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Tường bao che, tường ngăn xây gạch ống xi măng cốt liệu (XMCL) không nung 80x80x180 (M7.5) vữa xi măng cấp độ bền B5. Trát vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Tường bó nền, tam cấp, bậc thang xây gạch thẻ 40x80x180 (gạch đất nung) vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Toàn bộ chân tường trong nhà ốp gạch men 250x400 (loại 1) cao 0.250 mét.
- Toàn bộ tường trong khu vệ sinh ốp gạch men 300x600 cao 1.80 mét.
- Toàn bộ diện tích tường không ốp gạch bả matic + sơn 03 nước.
- Cao trình nền hoàn thiện ± 0.000 của khối nhà cao hơn mặt sân xây mới là 0,450 mét.

*** Mái:**

- Mái lợp tole PU sóng vuông mạ màu dày 0.45mm.
- Xà gồ sắt tráng kẽm hộp 40x80x1.8mm cách khoảng a800.
- Thanh kèo bê tông cốt thép đá 10x20, cấp độ bền B15.
- Trần tấm prima (thành phẩm).

*** Sân:**

- Quét xi măng nguyên chất.
- Láng vữa xi măng cấp độ bền B5, độ dốc 2%, chỗ mỏng nhất dày 20.
- Quét 03 nước chống thấm.
- Ngâm nước xi măng.
- Đáy + thành bê tông cốt thép đá 10x20, cấp độ bền B15.
- Lót vữa trát trần cấp độ bền B5 dày 15.
- Sơn 03 nước (01 lót + 02 màu) có bả matic.

*** Nền phòng + hành lang:**

- Nền lát gạch men 600x600 (loại 1), vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Lót vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Lót bê tông không cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B12.5 dày 100.
- Tấm nhựa lót chống mất nước xi măng.

- Lớp cát tôn nền tưới nước đầm chặt.F
- Mặt cát sau san lấp.

*** Nền khu vệ sinh:**

- Nền lát gạch men nhám 300x300 (loại 1), vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Lớp vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Lớp bê tông không cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B12.5 dày 100.
- Tấm nhựa lót chống mất nước xi măng.
- Lớp cát tôn nền tưới nước đầm chặt.
- Mặt cát sau san lấp.

*** Cửa:**

- Cửa đi cửa nhôm hệ 1000, kính trắng 8ly.
- Cửa sổ lùa nhôm hệ 1000, kính trắng 8ly, khung bông sắt hộp 13x26x1.2.
- Cửa sổ lật khu vệ sinh cửa bật kính trắng 5ly khung nhôm hệ 700. Khung bông sắt hộp 13x26x1.2.

*** Tam cấp:**

- Mặt lát đá granite .
- Bậc thang xây gạch thẻ 40x80x180 (gạch đất nung), vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Đan bê tông cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B15.
- Tấm nhựa lót chống mất nước xi măng.
- Mặt cát sau san lấp.

2. Nhà xe:

- Khối nhà có quy mô cấp IV (trệt).
- Bố trí mặt bằng hình chữ nhật có kích thước (5,80 x 16,60)m.
- Diện tích xây dựng khoảng: $S=96,00 \text{ m}^2$.
- Cao trình nền hoàn thiện -0.300 cao hơn mặt sân hiện trạng là 0,15 mét.
- Cao độ mái là +3.000 mét (tính từ cote -0.300).

3. Nhà vệ sinh:

- Khối nhà có quy mô cấp IV (trệt).
- Bố trí mặt bằng hình chữ nhật có kích thước (3,00 x 7,00)m.
- Diện tích xây dựng khoảng: $S=21,00\text{m}^2$
- Cao trình nền hoàn thiện -0.150 cao hơn mặt sân hiện trạng là 0,30 mét.
- Cao độ mái là +4.500 mét (tính từ cote -0.150).

*** Tường:**

- Tường bao che, tường ngăn xây gạch ống xi măng cốt liệu (XMCL) không nung 80x80x180 (M7.5) vữa xi măng cấp độ bền B5. Trát vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Tường bó nền, tam cấp, bậc thang xây gạch thẻ 40x80x180 (gạch đất nung) vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Toàn bộ tường trong khu vệ sinh ốp gạch men 300x600 cao 1.80 mét.
- Toàn bộ diện tích tường không ốp gạch bả matic + sơn 03 nước.

*** Mái:**

- Mái lợp tole sóng vuông mạ màu dày 0.45mm.
- Xà gồ sắt tráng kẽm hộp 40x80x1.8mm cách khoảng a800.
- Thanh kèo bê tông cốt thép đá 10x20, cấp độ bền B15.
- Trần kim loại nhôm C150x0.6mm.

*** Sê nô:**

- Quét xi măng nguyên chất.
- Láng vữa xi măng cấp độ bền B5, độ dốc 2%, chỗ mỏng nhất dày 20.
- Quét 03 nước chống thấm.
- Đáy + thành bê tông cốt thép đá 10x20, cấp độ bền B15.
- Lợp vữa trát trần cấp độ bền B5 dày 15.
- Sơn 03 nước (01 lót + 02 màu) có bả matic.

*** Cửa:**

- Cửa đi cửa nhôm hệ 700, kính trắng 8ly.
- Cửa sổ lật khu vệ sinh cửa bật kính trắng 5ly khung nhôm hệ 700. Khung bông sắt hộp 13x26x1.2.

*** Tam cấp:**

- Mặt lát gạch men nhám 300x300 .
- Bậc thang xây gạch thẻ 40x80x180 (gạch đất nung), vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Đan bê tông cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B15.
- Tấm nhựa lót chống mất nước xi măng.
- Mặt cát sau san lấp.

4. Nhà bảo vệ:

- Khối nhà có quy mô cấp IV (trệt).
- Bố trí mặt bằng hình vuông có kích thước (3,00 x 3,00)m.

- Diện tích xây dựng khoảng: $S=9,00m^2$
- Cao trình nền hoàn thiện -0.150 cao hơn mặt sân hiện trạng là 0,30 mét.
- Cao độ mái là +3.850 mét (tính từ cote -0.150).

*** Tường:**

- Tường bao che, tường ngăn xây gạch ống xi măng cốt liệu (XMCL) không nung 80x80x180 (M7.5) vữa xi măng cấp độ bền B5. Trát vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Tường bó nền, tam cấp, bậc thang xây gạch thẻ 40x80x180 (gạch đất nung) vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Tường bả matic + sơn 03 nước.

*** Mái:**

- Mái lợp tole sóng vuông mạ màu dày 0.45mm.
- Xà gồ sắt tráng kẽm hộp 40x80x1.4mm cách khoảng a800.
- Trầm tấm prima.

*** Sê nô:**

- Quét xi măng nguyên chất.
- Láng vữa xi măng cấp độ bền B5, độ dốc 2%, chỗ mỏng nhất dày 20.
- Quét 03 nước chống thấm.
- Đáy + thành bê tông cốt thép đá 10x20, cấp độ bền B15.
- Lợp vữa trát trần cấp độ bền B5 dày 15.

*** Cửa:**

- Cửa đi cửa sắt, kính trắng 5ly.

*** Tam cấp:**

- Mặt lát đá granite .
- Bậc thang xây gạch thẻ 40x80x180 (gạch đất nung), vữa xi măng cấp độ bền B5.
- Đan bê tông cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B15.
- Tấm nhựa lót chống mất nước xi măng.
- Mặt cát sau san lấp.

5. Bể nước 110m³:

- Bố trí mặt bằng hình chữ nhật có kích thước (4,0 x 12,0)m.
- Diện tích xây dựng khoảng: $S=48,0m^2$

6. Công, hàng rào:

*** Công:**

- Cổng chính sử dụng dạng cổng thép kết hợp sắt dẹt uốn hoa văn, dạng cửa lùa có ray trượt ; chiều rộng thông thủy của cổng chính 6.0 mét. Cổng phụ là dạng cổng mở một bên (01 cánh), chiều rộng thông thủy cổng phụ 1.6 mét.
- Bảng tên cổng nằm áp với hàng rào khu cổng chính. Sử dụng bảng tên dạng đá granite màu đỏ và khắc chữ tạo tên có sơn nhũ vàng ánh kim.

*** Hàng rào:**

- Dọc theo chu vi ranh đất bố trí hàng rào thực hiện bảo vệ và cách ly khu vực với bên ngoài, thực hiện giữ an ninh trật tự. Chiều dài hàng rào chạy suốt chiều dài ranh đất, đảm bảo cho việc quản lý và bảo vệ tài sản chung.

- Các mặt hàng rào còn lại xây bằng gạch ống xi măng cốt liệu không nung, cao 0.5 mét kết hợp với song sắt cao 1.8 mét. Đầu cột đắp gờ chỉ tạo vẻ mỹ quan cho công trình.

- Hàng rào song sắt cao 2.13 mét.
- Móng cọc bê tông cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B15.
- Cột, đà kiềng, đà giằng bê tông cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B15.
- Tường xây gạch xi măng cốt liệu không nung và gạch đất nung.
- Toàn bộ tường, cột... sơn 03 nước, không bả matic.

7. Sân, cột cờ, cây xanh, hệ thống thoát nước:

- Sân nội bộ, sân chơi, sân tập bằng đan bê tông không cốt thép dày 100 cấp độ bền B15 (M200). Riêng phần sân phía trước cổng chính tiếp giáp với đường dự kiến quy hoạch bằng đan bê tông cốt thép dày 100 cấp độ bền B20 (M250).

- Bồn hoa được khoét lỗ trên sân đan.

- Cây xanh trồng trong công trình gồm có các loại như sau: cây hoàng nam cao >1.5m, đường kính >6cm, khoảng cách 3m/cây.

Hệ thống thoát nước:

- Toàn bộ rãnh, hố ga đổ bê tông cấp độ bền B15 (M200).
- Toàn bộ đan rãnh, đan hố ga bằng bê tông cốt thép đá 10x20 cấp độ bền B15 (M200).
- Rãnh bê tông được bố trí dọc theo các khối nhà và trên sân nội bộ.
- Hệ thống thoát nước đầu nối với hệ thống thoát nước hiện trạng để thoát nước ra hệ thống chung của khu vực.

8. Sân bóng chuyền:

- Sân bóng chuyền bằng bê tông đá 10x20 dày 100 cấp độ bền B15, xoa nhẵn mặt bên trên có sơn kẻ vạch.

9. Sân lắp mặt bằng:

- Tổng diện tích sân lắp: $V=3421 \text{ m}^3$

- Cao độ san lấp +2.43 theo hệ cao độ quốc gia VN2000.
- Trước khi san lấp phải tiến hành đắp bờ đất để bảo vệ khu vực san lấp.
- Vật liệu đắp bờ bao bằng đất sét hoặc á sét, không lẫn tạp chất hoặc hữu cơ. Bờ bao được đắp đến cao trình +2.63.
- San lấp bằng phương tiện đường bộ, cự ly vận chuyển là 8km.

10. Hệ thống điện chiếu sáng cảnh quan:

- Sử dụng trụ đèn bát giác cao 6 mét. Cản đèn đơn cao 1.50 mét. Bóng đèn chiếu sáng dùng bóng Led 60w/220v. Toàn bộ hệ thống dây dẫn được đi âm dưới nền sân

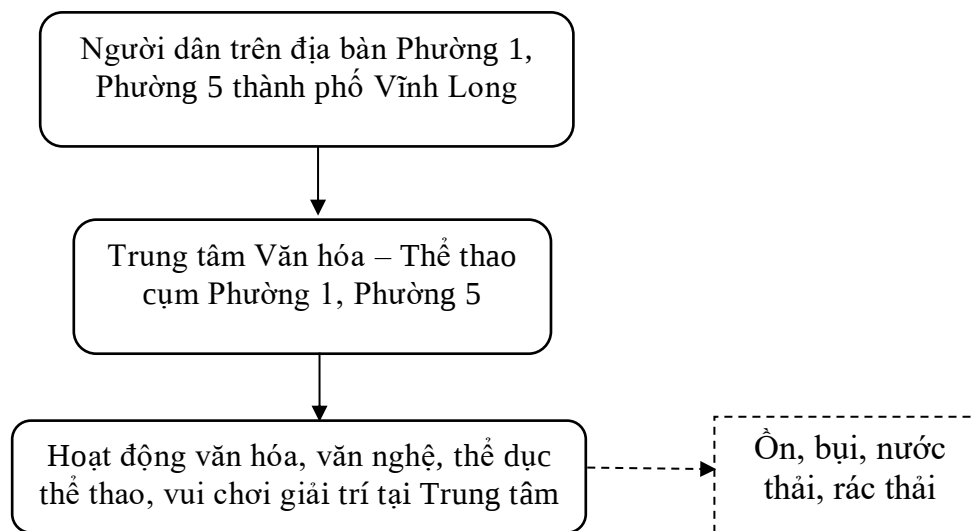
11. Hệ thống phòng cháy chữa cháy và chống sét:

- Công trình sử dụng hệ thống chữa cháy tại chỗ như: Bình CO₂, bình bột chữa cháy tại hành lang. Công trình được trang bị đầy đủ các bảng nội quy tiêu lệnh chữa cháy, cát chữa cháy tại chỗ. Bố trí trụ tiếp nước xe cứu hỏa, bể nước dự trữ, động cơ dầu Diesel, hộp chữa cháy trong nhà, tủ chữa cháy ngoài nhà để phục vụ chữa cháy cho công trình.
- Hệ thống cấp nước chữa cháy vách tường cho công trình được thiết kế theo các tiêu chuẩn TCVN 5760 : 1993 Yêu cầu chung về thiết kế lắp đặt và sử dụng hệ thống chữa cháy.
- Hệ thống chống sét cho công trình được thiết kế áp dụng theo tiêu chuẩn: TCVN 9385 : 2012 Chống sét cho công trình xây dựng - Hướng dẫn thiết kế, kiểm tra và bảo trì hệ thống.
- Công trình có sử dụng kim thu sét hiện trạng là bộ thiết bị thu sét tạo tia tiên đạo. Kim thu sét được đặt trên đỉnh của khối hội trường và đặt cách vị trí cao nhất của khối nhà ít nhất là 4.5m.
- Dây dẫn sét là dây đồng trần được luồn vào ống nhựa bảo vệ nối từ kim thu sét đến bãi tiếp địa. Trên mỗi dây dẫn sét đều bố trí hộp kiểm tra điện trở đất.
- Ốc xiết cáp sử dụng loại đồng thau hoặc thép không rỉ.
- Bãi tiếp địa có điện trở phải nhỏ hơn 10Ω theo TCVN 9385 : 2012.

12. Trạm biến áp:

- Để đảm bảo nhu cầu sử dụng và dự trữ phát sinh công suất phụ tải. Cần thiết đầu tư mới 01 trạm với dung lượng dự kiến là 25kVA. Các thông số của trạm dự kiến như sau:
 - + Điểm đầu: Vị trí đầu nối với trụ nằm ngay phía trước công trình.
 - + Điểm Cuối: Vị trí dùng trụ trung nằm cặp hàng rào công trình.
 - + Chiều dài dự kiến đường dây trung thế 1P2W-12,7KV: 60m.
 - + Dung lượng trạm lắp đặt: 1x25kVA.

1.3.2. Công nghệ sản xuất của dự án đầu tư



Hình 2: Sơ đồ hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5

Thuyết minh quy trình hoạt động của dự án:

Hiện tại, trên địa bàn Phường 1, Phường 5 của thành phố Vĩnh Long chưa có Trung tâm Văn hóa – Thể thao phường để làm nơi sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí cho người dân địa phương.

Việc đầu tư xây dựng Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5 nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, vui chơi giải trí cho người dân. Qua đó, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống cho nhân dân, giúp cho Phường 1 và Phường 5 đạt tiêu chí về xây dựng đô thị văn minh đồng thời chỉnh trang đô thị, tạo tiền đề phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội của địa phương.

Khi Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5 đi vào hoạt động thì người dân trên địa bàn Phường 1, Phường 5 và các khu vực lân cận có nhu cầu văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí có thể đến Trung tâm để tham gia các hoạt động được tổ chức tại Trung tâm.

Người dân sau khi đến Trung tâm sẽ có các hoạt động như văn nghệ, thể dục thể thao, vui chơi giải trí theo nhu cầu nhằm nâng cao chất lượng cuộc sống đảm bảo tăng cường sức khỏe cũng như nâng cao đời sống tinh thần cho người dân trên địa bàn Phường 1, Phường 5 của thành phố Vĩnh Long.

Sau 1 ngày tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao tại Trung tâm thì người dân sẽ ra về để nhân viên của Trung tâm đóng cửa và vệ sinh chuẩn bị cho các hoạt động của Trung tâm vào ngày tiếp theo.

1.3.3. Sản phẩm của dự án đầu tư

Sản phẩm của dự án là công trình phúc lợi xã hội nhằm phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao vui chơi giải trí cho người dân tại Phường 1

và Phường 5 qua đó góp phần nâng cao đời sống tinh thần của nhân dân tại địa phương nói chung, tạo tâm lý thoải mái để an tâm sinh sống, sản xuất ra sản phẩm phục vụ lại cho xã hội được nhiều hơn, góp phần ổn định kinh tế, chính trị và duy trì trật tự xã hội tại địa phương.

1.4. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

1.4.1. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng

1.4.1.1. Nguyên liệu sử dụng

Do đây là công trình Trung tâm Văn hóa – Thể thao nên không sử dụng nguyên liệu.

1.4.1.2. Nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất, nước cấp sử dụng:

a. Nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất

Hoạt động của dự án không sử dụng phế liệu, sử dụng chủ yếu là điện. Nhu cầu như sau:

Bảng 4: Nhu cầu sử dụng điện

STT	Tên nhiên liệu	Đơn vị tính	Số lượng	Nguồn cung cấp
1	Điện thắp sáng + hoạt động của máy móc, thiết bị,...	Kw/tháng	1.000	Lấy từ trạm biến áp xây mới đấu nối với lưới điện hạ thế khu vực

b. Nhu cầu, nguồn cung cấp nước và khối lượng nước thải:

- *Nguồn cung cấp nước:* Nguồn nước cấp cho hoạt động của dự án được lấy từ hệ thống nước sinh hoạt cấp trong khu vực thành phố Vĩnh Long hiện có.

- *Mục đích sử dụng:* Cung cấp cho nhu cầu sinh hoạt của cán bộ nhân viên Trung tâm Văn hóa – Thể thao, người dân đến tham gia vui chơi giải trí. Lượng nước tối đa sử dụng như sau:

Bảng 5: Nhu cầu sử dụng nước và khối lượng nước thải của dự án

STT	Đối tượng sử dụng nước	Quy mô	Tiêu chuẩn cấp nước	Nhu cầu sử dụng nước (m ³ /ngày.đêm)	Khối lượng nước thải tối đa (m ³ /ngày)
1	Cấp nước sinh hoạt cho cán bộ nhân viên	9 người	100 lít/người/ngày	0,9	0,9
2	Hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao	Dự kiến 300 người	20 lít/người/ngày	6,0	6,0
3	Nước tưới cây, rửa đường	535,2 m ²	3 lít/m ² /ngày	1,61	
Tổng cộng				8,51	6,9

Ghi chú: Tiêu chuẩn cấp nước áp dụng gồm:

- QCVN 01: 2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.
- TCXDVN 33: 2006 - Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế.

1.4.2. Nguồn cung cấp điện nước của dự án

- Hệ thống cấp nước: Nguồn nước cấp cho dự án được lấy từ Nhà máy cấp nước thành phố Vĩnh Long phục vụ cho sinh hoạt của cán bộ nhân viên, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao tại dự án và hoạt động vệ sinh sân đường đi, tưới cây. Như vậy nhu cầu sử dụng nước của dự án ước tính khoảng 8,51 m³/ngày.đêm, lượng nước thải phát sinh ước tính khoảng 6,9 m³/ngày.đêm.

Ngoài ra cần dự trữ lượng nước chữa cháy 10l/s trong 1 giờ cho 1 đám cháy là 10x3,6x1=36m³. Lượng nước này được dự trữ tại nguồn của cả khu vực (số đám cháy xảy ra đồng thời 1 lúc là 1 đám cháy theo TCVN 2622 – 1995)

- Hệ thống cấp điện: Dự án được cung cấp điện từ trạm biến áp xây mới đầu nối với lưới điện hạ thế khu vực, cung cấp điện cho hoạt động thắp sáng và vận hành máy móc, thiết bị tại dự án..

1.5. Các thông tin khác liên quan đến dự án đầu tư

1.5.1. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất khu vực thực hiện dự án

Khu đất xây dựng công trình là phần đất do người dân quản lý và sử dụng, phần đất này đã được Ủy ban nhân thành phố Vĩnh Long đưa vào Quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 với chức năng sử dụng là đất giáo dục và đang được điều chỉnh quy hoạch cục bộ thành đất văn hóa cho phù hợp với quy hoạch phân khu phường 5, thành phố Vĩnh Long.

1.5.2. Trang thiết bị máy móc phục vụ hoạt động của dự án

Hoạt động của dự án sử dụng các trang thiết bị máy móc như sau:

Bảng 6: Danh mục máy móc, thiết bị của dự án (trừ thiết bị hiện có)

TT	Hạng mục	Đơn vị	Số lượng
A	HỘI TRƯỞNG		
1	Bàn hội trường 4 chỗ	Cái	64
2	Ghế dài	Cái	254
3	Bục + tượng Bác	Bộ	1
4	Bục thuyết trình	Cái	1
5	Bảng khẩu hiệu	Bộ	1
6	Phông màn + Búa liềm + Ngôi sao	Bộ	1
7	Âm thanh hội trường	Bộ	1
8	Máy vi tính	Bộ	1
9	Tivi 85 inch	Bộ	1
10	Loa kéo	Bộ	1
11	Rèm cửa	md	160
B	PHÒNG THÔNG TIN		
1	Bàn + ghế làm việc	Bộ	1
2	Tủ đựng văn bản tài liệu	Cái	1
3	Máy vi tính	Bộ	1
4	Rèm cửa	md	5
C	PHÒNG HÀNH CHÍNH		

1	Bàn + ghế làm việc	Bộ	1
2	Tủ đựng văn bản tài liệu	Cái	1
3	Máy vi tính	Bộ	1
4	Rèm cửa	md	5
D	PHÒNG ĐỌC SÁCH BÁO		
1	Bàn + ghế	Bộ	4
2	Kệ sách bằng nhôm	Cái	2
3	Rèm cửa	md	5
E	PHÒNG TRUYỀN THÔNG		
1	Bàn + ghế làm việc	Bộ	1
2	Tủ đựng văn bản tài liệu	Cái	1
3	Máy vi tính	Bộ	1
4	Tủ trưng bày	Cái	2
5	Rèm cửa	md	5
F	PHÒNG HOẠT ĐỘNG VĂN HOÁ – VĂN NGHỆ		
1	Bàn + ghế làm việc	Bộ	2
2	Tủ đựng văn bản tài liệu	Cái	1
3	Rèm cửa	md	7
G	BỘ THỂ THAO NGOÀI TRỜI		
1	Tay vịn đôi	Cái	1
2	Xà đơn 2 bậc	Cái	1

3	Lung bụng	Cái	1
4	Lắc hông	Cái	1
5	Xoay eo	Cái	1
6	Đi bộ trên không	Cái	1
7	Đạp chân	Cái	1
8	Đi bộ lắc tay	Cái	1
9	Trượt tuyết	Cái	1
10	Đạp xe	Cái	1
H	SÂN BÓNG CHUYÊN		
1	Trụ bóng chuyên	Bộ	1
2	Lưới bóng chuyên	Bộ	1
3	Quả bóng chuyên	Quả	5
4	Ghế ngồi trọng tài	Bộ	1

(Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án 2023)

1.5.3. Nhân sự thực hiện dự án

Số lượng cán bộ nhân viên làm việc tại Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5 dự kiến khoảng 9 người thực hiện các công việc tại Trung tâm nhằm đảm bảo phục vụ cho người dân đến vui chơi giải trí, tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao của Trung tâm.

1.5.4. Tổng mức đầu tư

Tổng mức đầu tư để thực hiện cho dự án là 34.697.287.139 đồng, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 9.029.022.000 đồng.
- Chi phí thiết bị: 1.016.942.000 đồng.
- Chi phí quản lý dự án: 299.735.035 đồng.
- Chi phí tư vấn đầu tư xây dựng: 1.000.636.628 đồng.
- Chi phí khác: 237.552.645 đồng.

- Chi phí bồi hoàn GPMB: 19.959.100.000 đồng.

- Chi phí dự phòng: 3.154.298.831 đồng.

Nguồn vốn đầu tư: Sử dụng nguồn vốn ngân sách thành phố Vĩnh Long.

1.5.5. Tiến độ thực hiện dự án

Tiến độ thực hiện đầu tư xây dựng dự án dự kiến như sau:

Bảng 7: Kế hoạch thực hiện dự án

STT	Nội dung thực hiện	Tiến độ thực hiện
1	Thẩm tra, thẩm định, phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công + tổng dự toán	Quý IV/2023
2	Tổ chức lựa chọn nhà thầu thi công xây lắp	Quý IV/2023
3	Thi công xây dựng công trình	Từ Quý I – IV/2024
4	Các gói thầu thiết bị	Quý IV/2024
5	Hoàn thành dự án	Quý I/2025

(Nguồn: Báo cáo Nghiên cứu khả thi dự án 2023)

CHƯƠNG II: SỰ PHÙ HỢP CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ VỚI QUY HOẠCH, KHẢ NĂNG CHỊU TẢI CỦA MÔI TRƯỜNG

2.1. Sự phù hợp của dự án đầu tư với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh, phân vùng môi trường (nếu có)

Về sự phù hợp với mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế xã hội: Hoạt động của dự án phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Vĩnh Long đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 theo Quyết định số 1824/QĐ-TTg ngày 25/12/2018 của Thủ tướng chính phủ.

Về sự phù hợp với kế hoạch sử dụng đất: Vị trí đầu tư dự án Trung tâm văn hoá – thể thao cụm phường 1, phường 5 phù hợp theo điều chỉnh cục bộ quy hoạch phân khu phường 5 được UBND thành phố Vĩnh Long phê duyệt điều chỉnh quy hoạch Khu đất có chức năng là đất Giáo dục và giao thông thành chức năng đất Văn hoá tại Quyết định số 1385/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Vĩnh Long.

Dự án phù hợp với quy hoạch bảo vệ môi trường quốc gia, quy hoạch tỉnh và phân vùng môi trường.

2.2. Sự phù hợp của dự án đầu tư đối với khả năng chịu tải của môi trường (nếu có)

Hoạt động của dự án là xây dựng Trung tâm văn hoá – thể thao cụm phường 1, phường 5. Trong quá trình hoạt động của dự án sẽ phát sinh các loại chất thải như bụi; nước thải; chất thải rắn; chất thải nguy hại, cụ thể như sau:

- Đối với nước thải: nước thải sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án sẽ được thu gom về hầm tự hoại 03 ngăn, có ngăn lọc, tổng thể tích 13 m³ xử lý lắng lọc đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Nước thải sau bể tự hoại qua hố ga sau đó thoát ra môi trường.

- Đối với bụi: bụi chủ yếu phát sinh trong quá trình hoạt động của các phương tiện vận chuyển như xe ô tô, xe mô tô. Các phương tiện này không hoạt động thường xuyên chỉ hoạt động khi đến dự án, môi trường xung quanh khu vực dự án khá rộng mà tải lượng khí thải phát sinh tại dự án nhỏ nên ít có khả năng gây ô nhiễm môi trường. Bên cạnh đó tại khu vực dự án có bố trí trồng cây xanh để góp phần cải tạo môi trường, điều hòa khí hậu nên cũng hạn chế ảnh hưởng khí thải đến môi trường.

- Đối với chất thải rắn và chất thải nguy hại: hoạt động của dự án phát sinh rất ít chất thải rắn và chất thải nguy hại. Khi phát sinh sẽ được thu gom vào kho lưu trữ, định kỳ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo quy định. Đảm bảo không phát ra gây ô nhiễm môi trường.

Do đó, hoạt động của dự án phù hợp với khả năng chịu tải của môi trường.

CHƯƠNG III: HIỆN TRẠNG MÔI TRƯỜNG NƠI THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ

3.1. Hiện trạng môi trường và tài nguyên sinh vật khu vực dự án

- Môi trường không khí tiếp nhận bụi, khí thải của dự án: Qua tổng hợp các kết quả đo đạc môi trường không khí ở khu vực dự án (đo tại thời điểm lập báo cáo) cho thấy môi trường không khí khu vực dự án còn trong lành, chưa bị tác động đáng kể bởi hoạt động sản xuất kinh doanh ở khu vực.

- Về tài nguyên sinh vật: Kết quả khảo sát thực tế tại dự án vào thời điểm lập báo cáo cho thấy thực vật, động vật trên cạn, động vật dưới nước ở khu vực dự án chủ yếu là các loài phân bố nhiều trong tỉnh, không có loài cần được bảo tồn, các loài sắp tiết chủng.

3.2. Môi trường tiếp nhận nước thải của dự án

Hoạt động của dự án có phát sinh nước thải chủ yếu là nước thải sinh hoạt của các cán bộ công nhân viên làm việc tại dự án sẽ được thu gom về hầm tự hoại 03 ngăn, có ngăn lọc, tổng thể tích 13 m³ xử lý lắng lọc đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường. Nước thải sau xử lý thoát ra kênh thủy lợi phía Bắc khu vực dự án.

Nước mưa chảy tràn sẽ được thu về hệ thống rãnh thu nước lắng lọc qua các hố ga, rồi về ao chứa. Sau đó một phần tự thấm, một phần theo đường thoát nước mưa thoát ra kênh thủy lợi ở phía Bắc khu vực dự án.

3.3. Hiện trạng các thành phần môi trường nơi thực hiện dự án

Để đánh giá hiện trạng chất lượng nguồn nước tiếp nhận tại khu vực dự án, chủ dự án đã kết hợp với Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu, tiến hành đo đạc, lấy mẫu và phân tích chất lượng các thành phần này.

Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu đã được Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường, số hiệu Vimcerts 117 cấp ngày 13/11/2023 theo Giấy chứng nhận số 42/GCN-BTNMT của Bộ Tài nguyên và Môi trường.

Kết quả phân tích chất lượng không khí xung quanh hiện trạng khu vực dự án như sau:

Bảng 8: Hiện trạng không khí khu vực dự án

STT	Thông số	Đơn vị tính	Kết quả phân tích			QCVN 05:2023/BTNMT (Trung bình 1 giờ)
			KK1	KK2	KK3	
1	Độ ồn	dBA	59,2	51,5	53,4	70 ⁽¹⁾
2	Bụi	mg/m ³	0,22	0,13	0,21	0,3
3	NO ₂	mg/m ³	0,063	0,045	0,068	0,2
4	SO ₂	mg/m ³	0,075	0,076	0,077	0,35
5	CO	mg/m ³	KPH	KPH	KPH	30
6	Nhiệt độ	°C	29,5	29,7	29,6	18 – 32 ⁽²⁾
7	Độ ẩm	%	70,8	70,9	67,8	40 – 80 ⁽²⁾
8	Tốc độ gió	m/s	1,1	1,2	1,1	0,2 – 1,5 ⁽²⁾

(Nguồn: Công ty Cổ phần Dịch vụ Tư vấn Môi trường Hải Âu)

*** Ghi chú:**

- QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

- ⁽¹⁾: QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn (từ 6÷21 giờ).

- ⁽²⁾: QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về vi khí hậu – Giá trị cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.

- Ngày lấy mẫu: KK1 - ngày 28/11/2023, KK2 - ngày 29/11/2023, KK3 - ngày 30/11/2023.

- Vị trí lấy mẫu: KK1, KK2, KK3 – Khu vực dự kiến xây dựng công chính của Trung tâm Văn hóa – Thể thao, tọa độ X = 1133732; Y = 554029.

Nhận xét: Căn cứ vào kết quả phân tích chất lượng không khí ở bảng trên, so sánh và đối chiếu với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí, tiếng ồn, vi khí hậu (QCVN 05:2023/BTNMT; QCVN 26:2010/BTNMT; QCVN 26:2016/BYT), các chỉ tiêu đo đạc và phân tích hầu hết đều cho kết quả có giá trị thấp

hơn quy chuẩn cho phép, qua đó cho thấy môi trường không khí của khu vực dự án tương đối tốt.

*** Đánh giá chung về hiện trạng các thành phần môi trường, không khí ở khu vực dự án:** Môi trường không khí khu vực dự án còn trong lành, các thông số ô nhiễm đặc trưng trong môi trường không khí nằm trong giới hạn cho phép.

CHƯƠNG IV: ĐỀ XUẤT CÁC CÔNG TRÌNH, BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN ĐẦU TƯ

4.1. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng dự án

4.1.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải:

- **Nước mưa chảy tràn:** Để giảm thiểu ô nhiễm do nước mưa chảy tràn, bố trí công nhân thu gom vật liệu thừa, rác thải trong mỗi ca làm việc vào thùng chứa hay kho vật tư, không để nước mưa chảy tràn cuốn vào nguồn tiếp nhận gây ô nhiễm.

- **Nước thải xây dựng:** Phát sinh từ quá trình trộn bê tông, vệ sinh máy móc thiết bị thi công,... có tải lượng nhỏ, khoảng từ 0,5 m³/ngày, được bơm lên mặt bằng để tự thấm.

- **Nước thải san lấp:** Phát sinh từ quá trình bơm cát san lấp mặt bằng tại khu vực dự án, với khối lượng cát dự kiến cần để san lấp mặt bằng tại dự án là 3.421,0 m³ và thời gian dự kiến san lấp khoảng 30 ngày; cự ly bơm cát trung bình < 100m, theo số liệu kinh nghiệm tham khảo với khoảng cách < 1000m, tỉ lệ nước cát là 1:1. Lưu lượng nước thải san lấp dự báo vào khoảng 3.421 m³/30 ngày = 114,0 m³/ngày.

Đối với nước thải san lấp, chủ dự án thực hiện biện pháp: Bố trí ao lắng với diện tích 25 m² trong khu vực dự án để lắng lọc sơ bộ. Nước thải san lấp sau khi qua ao lắng đảm bảo đạt QCVN 40:2011/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp (Cột B) và được bơm ra hệ thống thoát nước chung của khu vực dự án. Ao lắng được san lấp bằng phẳng sau khi quá trình bơm cát kết thúc.

- **Nước thải sinh hoạt:** Nước thải sinh hoạt phát sinh từ quá trình sinh hoạt, vệ sinh cá nhân hàng ngày của công nhân. Dự kiến số lượng công nhân tham gia xây dựng tại dự án khoảng 20 người, chủ yếu là lao động địa phương, không nấu ăn, không tắm giặt tại công trường. Ước tính mỗi người sử dụng khoảng 1/2 tiêu chuẩn cấp nước là 40 lít/người/ngày, lượng nước thải bằng 100% lượng nước cấp. Như vậy lượng nước thải khoảng:

$$(20 \text{ người} \times 40 \text{ lít nước/người/ngày} \times 100\%) / 1.000 = 0,8 \text{ m}^3/\text{ngày}.$$

Đối với nước thải sinh hoạt, chủ dự án thực hiện các biện pháp sau:

+ Ưu tiên tuyển dụng công nhân trong khu vực, có điều kiện tự túc ăn ở để hạn chế phát sinh nước thải tại công trường.

+ Ưu tiên sử dụng nhà vệ sinh hiện hữu của trạm y tế phường 5 hoặc nhà vệ sinh của Ủy ban nhân dân phường 5.

4.1.2. Về công trình, biện pháp lưu giữ rác thải sinh hoạt, chất thải xây dựng, chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại:

- **Chất thải xây dựng:** Rác thải xây dựng bao gồm: gạch vụn, cát, đá, xi măng rơi vãi, vôi vữa, bê tông rơi vãi, các bao bì carton, bao đựng xi măng, dây kẽm, dây vụn, ván vụn, cốp pha gỗ hỏng, cốp pha nhựa hỏng, sắt vụn, đinh hỏng,... tham khảo từ các công trình xây dựng có quy mô tương tự thì lượng chất thải này khoảng 10kg/tháng; đất đào móng khoảng 300 tấn.

Chất thải xây dựng sẽ được công nhân hàng ngày thu gom, phân loại và xử lý như sau:

+ Chất thải có thành phần là đất, cát, xà bần bê tông, gạch vụn,... được Chủ dự án kết hợp với Nhà thầu xây dựng bố trí sao cho thuận tiện trong quá trình xây dựng, sau đó được tận dụng san lấp mặt bằng tại dự án. Nếu số lượng nhiều không san lấp tại dự án hết, Chủ dự án sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý theo quy định.

+ Ván cốp pha, giấy carton, nylon, thùng nhựa, đinh ốc, sắt thép vụn,...: được thu gom riêng vào kho vật tư lưu trữ tạm, định kỳ bán phế liệu.

+ Đất đào khi thi công móng được thu gom, hoàn trả lại đắp hố móng, lượng đất đào này vừa đủ để đắp hố móng, không phát sinh dư.

- **Chất thải sinh hoạt:** Số lượng công nhân xây dựng là 20 người. Căn cứ theo quy chuẩn Việt Nam (QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng), ước tính khối lượng chất thải sinh hoạt phát sinh: 20 người x 0,9 kg/người/ngày.đêm = 18 kg/ngày.đêm. Theo tài liệu “Quản lý chất thải rắn” của giáo sư Trần Hiếu Nhuệ, thành phần rác thải này bao gồm nhiều loại nhưng chủ yếu là: thức ăn dư thừa, các chai, lon, hộp chứa thực phẩm, các vỏ hộp cơm, hộp xôi, bọc nylon, các bao giấy gói quà vật và vỏ trái cây...

Chất thải sinh hoạt sẽ được thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy (02 thùng chứa rác dung tích 240 lít) được trang bị tại công trường, để công nhân tự thu gom rác bỏ vào. Chủ dự án hợp đồng với đơn vị thu gom rác địa phương vận chuyển về bãi rác tập trung để xử lý.

- **Chất thải nguy hại:** Các chất thải nguy hại phát sinh trong quá trình thi công xây dựng bao gồm giẻ lau dính dầu mỡ, dầu nhớt, can chứa dầu thải sau khi sử dụng. Do hạng mục xây dựng không nhiều, tham khảo số liệu từ các công trình tương tự, trong quá trình thi công xây dựng sẽ phát sinh một số CTNH như sau:

Bảng 9: Chất thải nguy hại giai đoạn thi công xây dựng

STT	Tên loại CTNH	Mã CTNH	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giẻ lau dính dầu nhớt thải	18 02 01	1
2	Bao bì cứng thải bằng nhựa (thùng chứa sơn)	11 02 01	3,6
3	Que hàn thải	07 04 01	0,4
Tổng			5

Chất thải nguy hại phát sinh trong hoạt động xây dựng sẽ được thu gom lưu chứa tại Kho chứa chất thải nguy hại được xây dựng tại công trường và che chắn kín đảm bảo không bị mưa tạt, gió lùa và bên ngoài đặt bảng “Kho chứa chất thải nguy hại”. Tùy theo điều kiện thi công thực tế mà Chủ dự án và Nhà thầu xây dựng bố trí Kho chứa chất thải nguy hại tại vị trí phù hợp với diện tích 5m².

Chủ dự án sẽ tham gia vào Kế hoạch thu gom, vận chuyển, lưu giữ, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long hoặc hợp đồng với đơn vị có chức năng xử lý theo quy định.

4.1.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải:

*** Bụi và khí thải từ hoạt động san ủi, tạo mặt bằng:**

**** Tác động do bụi và khí thải từ hoạt động san ủi, tạo mặt bằng:**

Lượng bụi và khí thải phát sinh do hoạt động san ủi, tạo mặt bằng công trình, phục vụ công tác san lấp mặt bằng nâng mặt bằng đạt cao độ công trình theo thiết kế. Trong quá trình thi công sử dụng một số loại máy móc, thiết bị như: máy đào, máy xúc, máy lu, cuốc, xẻng,... Theo tài liệu hướng dẫn ĐTM của Ngân hàng thế giới (Environmental Assessment Sourcebook, Volume II, Sectoral Guidelines, Environment, World Bank, Washington D.C) thì hệ số ô nhiễm bụi (E) được tính toán theo công thức sau:

$$E = k \times 0,0016 \times (U/2,2)^{1,4} \div (M/2)^{1/3} \text{ (kg/tấn)}$$

Trong đó: + E là hệ số ô nhiễm (kg/tấn).

+ k là cấu trúc hạt có giá trị trung bình, chọn k = 0,3

+ U là tốc độ gió trung bình (m/s), Tốc độ lựa chọn là 2,5 m/s

+ M là độ ẩm trung bình (%), chọn độ ẩm trung bình là 20%

$$E = 0,3 \times 0,0016 \times (2,5/2,2)^{1,4} \div (0,2/2)^{1/3} = 0,0114 \text{ kg bụi/tấn}$$

Với khối lượng đất đắp là 3.421m³. Tỷ trọng trung bình của đất là 1,45 tấn/m³. Như vậy, khối lượng đất san nền là 3.421 m³ x 1,45 tấn/m³ = 4.960,45 tấn.

Hệ số ô nhiễm bụi là 0,0114 kg/tấn thì tổng tải lượng bụi phát sinh là:

$$4.960,45 \text{ tấn} \times 0,0114 \text{ kg bụi/tấn} = 56,55 \text{ kg}$$

Tải lượng bụi (kg/ngày) = Tổng tải lượng bụi (kg) / Số ngày thi công (ngày).

Số ngày thi công đào, đắp đất ước tính là 30 ngày. Do đó, tải lượng bụi (kg/ngày) là: 56,55 kg/30 ngày = 1,89 kg/ngày.

Lượng bụi này được đánh giá là nhỏ tuy nhiên cũng cần có biện pháp giảm thiểu để không gây ảnh hưởng đến tầm nhìn của các phương tiện qua lại và sức khỏe của công nhân.

**** Giảm thiểu tác động của bụi, khí thải do hoạt động san ủi, tạo mặt bằng:**

Nồng độ bụi phát sinh trong quá trình đào đất và đắp đất phụ thuộc vào nhiều yếu tố như cường độ thi công, điều kiện thời tiết,... Bụi phát sinh từ hoạt động này chủ yếu là bụi vô cơ và dễ sa lắng, khó phát tán vào môi trường trên diện rộng, do đó ảnh hưởng đến môi trường không khí trong quá trình không đáng kể. Tuy nhiên, để giảm thiểu các tác động do quá trình này gây ra Chủ dự án và nhà thầu xây dựng thực hiện các biện pháp sau:

- Tưới ẩm xung quanh khu vực đào đất, tần suất 2 lần/ngày vào ngày nắng nhằm hạn chế bụi phát tán vào không khí.
- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân làm việc trong quá trình đào đắp.
- Đất đào được mang lên mặt đất và đổ trực tiếp vào xe tải chở ngay ra khỏi phạm vi công trình để đảm bảo quá trình thi công được diễn ra nhanh gọn và hạn chế được bụi phát tán. Đồng thời, Đất cát sau khi đào sẽ được sử dụng lấp các hố móng công trình tại chỗ, quá trình đào đất và lấp đất hố móng trong xây dựng sẽ được thực hiện bằng máy móc hiện đại.

*** Giảm thiểu bụi phát sinh do tập kết vật liệu xây dựng**

- Chủ dự án phối hợp với đơn vị thi công giám sát xe vận chuyển vật liệu xây dựng đảm bảo các xe chở vật liệu không chở quá tải trọng, vượt quá thể tích thùng xe để tránh tình trạng rơi vãi đất đá trên đường vận chuyển, đất cát chỉ được đưa lên xe vận chuyển ở trạng thái khô. Các xe vận chuyển phải có tấm bạt che phủ.
- Các xe chở đúng tải trọng, chạy với tốc độ chậm khi đi vào khu vực Dự án (<5 km/h).
- Tiến hành quét dọn, tưới rửa mặt đường giao thông vận chuyển nguyên liệu trước khu vực xây dựng Dự án sau mỗi ngày thi công.
- Các phương tiện chuyên chở trước khi ra ngoài Dự án sẽ được xịt rửa thùng xe, bánh xe để hạn chế bụi bám vào xe.
- Các phương tiện vận chuyển cần xịt trước bánh xe trước khi ra khỏi công trường nhằm giảm thiểu bụi đường do vận chuyển.
- Trang bị đồ bảo hộ lao động cho công nhân làm việc tại vị trí bốc xếp nguyên vật liệu như khẩu trang, giày, găng tay, kính,...
- Nhiên liệu sử dụng cho phương tiện vận chuyển phải là nhiên liệu được lưu hành trên thị trường và hạn chế gây ô nhiễm.
- Tài xế lái xe tuân thủ các quy định luật giao thông nhằm tránh ùn tắc, an toàn khi di chuyển.

*** Giảm thiểu bụi phát sinh trong quá trình thi công xây dựng**

- Các bãi chứa vật liệu sử dụng để trộn bê tông (Cát, đá,...) được che chắn bằng vải bạt để tránh phát tán bụi. Tấm bạt che chắn được bao quanh bãi chứa, chỉ chừa 1

mặt để chuyển vật liệu qua máy trộn. Tấm bạt che chắn được chôn chặt xuống đất để tránh bay.

- Tại khâu sản cát để sử dụng trộn bê tông được che chắn 3 mặt bên bằng tấm bạt, chỉ chừa 1 mặt để lấy cát ra tránh bụi phát tán trong quá trình sản cát. Tấm bạt che chắn được chôn chặt dưới đất để tránh bay.

- Ngăn ngừa phát tán bụi khi đổ vật liệu: Khi dùng xe tải tập kết vật liệu tại các bãi chứa, nếu thấy bụi bốc lên, sẽ thực hiện ngay việc phun nước làm ẩm (trừ xi măng).

- Ngăn ngừa phát tán bụi tại máy trộn bê tông: Vật liệu dùng để trộn (Cát, đá) được làm ẩm trước khi đưa vào máy trộn nên lượng bụi giảm đáng kể.

- Thường xuyên phun nước chống bụi tại khu vực cổng, đường dẫn vào khu dự án với tần suất tối thiểu 02 lần/ngày;

- Bố trí nhân sự dọn dẹp vệ sinh đường công vụ 02 lần/ca làm việc;

- Thường xuyên tưới nước khu vực cổng, đường công vụ,...

- Tăng cường nhân sự dọn dẹp vệ sinh thường xuyên khu vực tiếp giáp dự án;

- Bố trí 01 nhân sự thường xuyên kiểm tra việc thực hiện của các Nhà thầu tại công trình như đã cam kết;

- Thực hiện rửa và dọn vệ sinh đường mỗi buổi sáng trước 6 giờ sáng khu vực ra vào dự án;

- Công nhân sẽ được trang bị bảo hộ lao động theo đúng tiêu chuẩn được quy định để hạn chế ảnh hưởng đến sức khỏe công nhân;

- Bố trí hợp lý tuyến đường vận chuyển và đi lại;

- Hàng ngày tổ chức vệ sinh công nghiệp trên công trường vào cuối giờ làm việc, bảo đảm cho công trường luôn được gọn sạch.

*** Giảm thiểu bụi, khí thải phát sinh từ máy móc, thiết bị thi công xây dựng**

- Sử dụng thiết bị chà tích hợp thu bụi để thu gom bụi từ hoạt động chà nhám tránh phát tán ra môi trường xung quanh;

- Các nhiên liệu sử dụng để vận hành các phương tiện vận chuyển, máy móc thiết bị trong công trường là những loại nhiên liệu ít gây ô nhiễm môi trường.

- Tất cả các thiết bị, máy móc, phương tiện thi công đều đạt tiêu chuẩn Việt Nam về an toàn kỹ thuật và môi trường.

Áp dụng các biện pháp thi công phù hợp, cơ giới hóa, sử dụng máy móc đã được kiểm định và thường xuyên bảo dưỡng.

- Các thiết bị máy móc cơ khí thi công trên công trường được bảo trì thường xuyên và đúng thời hạn.

- Các phương tiện vận chuyển được rửa bánh xe trước khi ra khỏi công trường.

- Phân bố luồng xe tải ra vào công trường chuyên chở nguyên vật liệu phù hợp, tránh ùn tắc, gây ô nhiễm khói bụi cho khu vực.

*** Giảm thiểu tác động do khí thải từ hoạt động hàn – cắt kim loại**

Khí thải phát sinh từ quá trình hàn, tiện kim loại chủ yếu gây ảnh hưởng đến công nhân làm việc. Giải pháp giảm thiểu là trang bị bảo hộ lao động (khẩu trang, mặt nạ hàn, ủng,...) cho công nhân. Bên cạnh đó, trong quá trình hàn khí yêu cầu công nhân không để ngọn lửa cháy tự do, phải điều chỉnh ngọn lửa phù hợp để hạn chế khí độc phát sinh, khi nghỉ phải khóa mỏ hàn.

4.1.4. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:

* *Tiếng ồn*: Chủ dự án kết hợp với Nhà thầu xây dựng thực hiện các biện pháp sau:

Các loại xe chở hàng đến và đi khỏi công trường phải bảo đảm tuân thủ các quy định hiện hành về tình trạng kỹ thuật xe, chở đúng tải trọng thiết kế để hạn chế tối đa mức độ ồn và rung do việc vận chuyển gây ra.

Thời gian cắt thép, gia công thép sẽ được sắp xếp tránh vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

Bố trí các hoạt động của thiết bị thi công phù hợp; thường xuyên kiểm tra bảo trì thiết bị; các thiết bị thi công phải có chân đế để giảm thiểu độ rung.

Không được gõ gàu, dũ gàu vào thời gian nghỉ ngơi của người dân.

Các máy móc thiết bị thi công thường xuyên được bảo trì, tra dầu mỡ và thay thế kịp thời các bộ phận bị mòn vẹt để máy luôn ở tình trạng tốt khi hoạt động.

Nhà thầu sẽ bố trí các hoạt động của các phương tiện thi công một cách phù hợp: các thiết bị thi công gây tiếng ồn lớn như máy khoan, máy đào,... không hoạt động trong khoảng thời gian từ 18h đến 6h sáng hôm sau, giờ ăn và nghỉ trưa.

Các máy móc thiết bị hoạt động gián đoạn trong quá trình thi công sẽ được tắt máy hoàn toàn trong giai đoạn nghỉ hoạt động.

Ngoài ra, tiếng ồn phát sinh từ quá trình đổ bê tông chủ yếu từ xe vận chuyển bê tông tươi, máy bơm bê tông. Chủ đầu tư sẽ thực hiện các biện pháp sau để giảm thiểu tiếng ồn: Hạn chế thi công đổ bê tông và vận chuyển xà bần sau 10h đêm. Các máy móc sẽ được bố trí bên trong hàng rào công trình. Định kỳ kiểm tra, tra dầu nhớt đối với các máy móc, thiết bị thi công xây dựng.

Đối với phương tiện vận chuyển xà bần: Phải chở đúng tải trọng cho phép của xe. Xe phải được phủ kín trước khi ra khỏi công trường.

* *Độ rung*: Rung động phát sinh từ các phương tiện vận chuyển có tải trọng lớn, từ các máy móc thiết bị phục vụ thi công. Để giảm thiểu ảnh hưởng rung động sẽ thực hiện các giải pháp sau:

+ Tùy theo năng lực trang thiết bị hiện có, điều kiện địa chất công trình, quy định của thiết kế về chiều sâu hạ cọc và độ chối quy định, đơn vị thi công có thể lựa chọn thiết bị hạ cọc thích hợp, hạn chế rung động do máy đóng cọc gây ra.

+ Trong thi công, sử dụng công nghệ máy đóng cọc ít phát sinh rung động. Đóng cọc thử và quan trắc kỹ vùng ảnh hưởng chấn động để hạn chế tác động xấu đối với khu vực và thi công cho từng hạng mục công trình nhằm hạn chế tối đa rung động do máy móc gây ra.

+ Xe chuyên dụng và các xe có tải trọng lớn không vận hành tập trung để tránh cộng hưởng chấn động.

+ Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động là găng tay xốp cho công nhân xây dựng khi sử dụng các dụng cụ thi công rung cầm tay hoặc máy đầm cầm tay.

+ Theo dõi chặt chẽ quá trình thi công, nhất là tác dụng của đầm rung, khảo sát chi tiết kết cấu các công trình và nhà dân lân cận hai bên tuyến.

+ Chủ dự án sẽ lập phương án, thống kê và dự phòng kinh phí cho các trường hợp hư hỏng công trình lân cận do rung động gây ra.

4.1.5. Các biện pháp bảo vệ môi trường khác

*** Giảm thiểu tác động tới các công trình lân cận xung quanh và hạ tầng khu vực thực hiện dự án**

Để hạn chế các tác động trên có thể áp dụng các biện pháp sau:

- Thực hiện khảo sát hiện trạng công trình xung quanh dự án: chụp hình hiện trạng trước khi tiến hành thi công.

- Đảm bảo phương tiện vận chuyển nguyên vật liệu, xà bần phải được chở đúng tải trọng, xe phải được phủ bạt, phải được kiểm định chất lượng theo đúng quy định. Người điều khiển xe phải có đầy đủ giấy phép lái xe, sức khỏe ổn định.

- Bảo đảm khoảng cách an toàn khi thi công, thường xuyên kiểm tra tường vây để tránh nguy cơ gây sạt lở làm ảnh hưởng đến công trình xung quanh.

- Trong trường hợp tường bị lệch vị, phải tạm ngưng thi công và báo cáo với cơ quan chức năng tìm hướng giải quyết.

- Thu gom và xử lý chất thải theo đúng quy định.

Chủ đầu tư cam kết tu sửa đường giao thông, hệ thống thông tin liên lạc, cấp điện nước,... nhà dân nếu bị hư hỏng.

*** Giảm thiểu tác động tới tình hình giao thông tại khu vực**

- Bố trí thời gian vận chuyển phù hợp, theo ca, không chồng chéo để nhiều xe chờ đợi nhau gây cản trở bên ngoài công trình.

- Lắp đặt các biển báo công trình đang thi công xây dựng.

- Tuân thủ đúng thời gian cho phép lưu thông trong huyện Mang Thít đối với xe tải vận chuyển nguyên vật liệu.

- Các xe vận chuyển ra khỏi công trình phải được che chắn cẩn thận, tránh để nguyên vật liệu, đất cát rơi vãi xuống đường làm cản trở giao thông, tăng lượng bụi tại các tuyến đường này.

- Có người điều khiển xe ra vào công trình trong suốt thời gian thi công, tránh gây ra tai nạn giao thông tại khu vực.

*** Giảm thiểu tác động đến sụt lún đến các công trình lân cận**

- Gia cố nền đất bằng khoan cọc nhồi.

- Khu đất là đất cứng, địa chất tương đối ổn định với lớp đất sét và sét pha nên phần sụt lún hầu như không xảy ra và Chủ đầu tư luôn có các phương án thi công hiệu quả nhằm hạn chế tối đa các tác hại có thể xảy ra.

*** Phòng ngừa và ứng phó với sự cố cháy, nổ**

Giảm thiểu bằng các biện pháp sau:

- Các kho chứa vật liệu xây dựng được trang bị dây dẫn điện phù hợp với công suất của thiết bị tiêu thụ.

- Sắp xếp vật liệu gọn gàng. Yêu cầu công nhân cúp cầu dao khi rời khỏi kho chứa.

- Lắp đặt nội quy an toàn điện, thường xuyên kiểm tra đường điện và cúp cầu dao điện khỏi thiết bị xây dựng khi ngừng sử dụng.

- Bố trí bảng cấm hút thuốc và các dụng cụ chữa cháy (bình chữa cháy, hồ cát...) tại khu vực chứa nhiên liệu.

*** Phòng ngừa tai nạn lao động**

Chủ dự án kết hợp với Nhà thầu xây dựng để thực hiện các biện pháp giảm thiểu tai nạn lao động, được thực hiện như sau:

- Xây dựng quy tắc vận hành cho từng thiết bị sử dụng và dán kèm theo thiết bị.

- Kiểm tra thiết bị cẩn thận trước và sau khi vận hành.

- Phân công điều khiển thiết bị cơ giới cho những công nhân có giấy phép điều khiển, sức khoẻ tốt và trong người không có độ cồn.

- Không sử dụng thiết bị sai chức năng.

- Trang bị và yêu cầu công nhân sử dụng đầy đủ dụng cụ bảo hộ lao động như khẩu trang, nón bảo hộ, dây an toàn,...

- Ban hành nội quy làm việc ở công trường.

- Thực hiện chế độ bảo hiểm cho người lao động tại công trường.

- Trang bị dụng cụ, thiết bị bảo hộ lao động cho công nhân trong giờ làm việc.

- Lắp đặt các bảng cảnh báo nguy hiểm tại khu vực thi công,... và các bảng cấm những người không có trách nhiệm ra vào công trường.
- Không cho công nhân làm việc ngoài trời khi có mưa, bão.
- Bố trí nhân lực giám sát quá trình thi công để thường xuyên nhắc nhở việc tuân thủ an toàn lao động và kịp thời khắc phục khi có sự cố xảy ra.
- Sử dụng dàn giáo đúng quy định của TCXDVN 296:2004 Dàn giáo – Các yêu cầu về an toàn; chẳng hạn như không sử dụng dàn giáo kém chất lượng, bị rạn nứt, mòn rỉ. Cố định, không cho phép dàn giáo di chuyển ngang hoặc thay đổi kết cấu hệ dàn giáo khi đang sử dụng.

4.2. Đề xuất các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường trong giai đoạn dự án đi vào vận hành

4.2.1. Về công trình, biện pháp xử lý nước thải

a. Thu gom và thoát nước mưa chảy tràn:

Lượng nước mưa được tính như sau: $Q = q \times a \times S (m^3 / \text{ngày})$

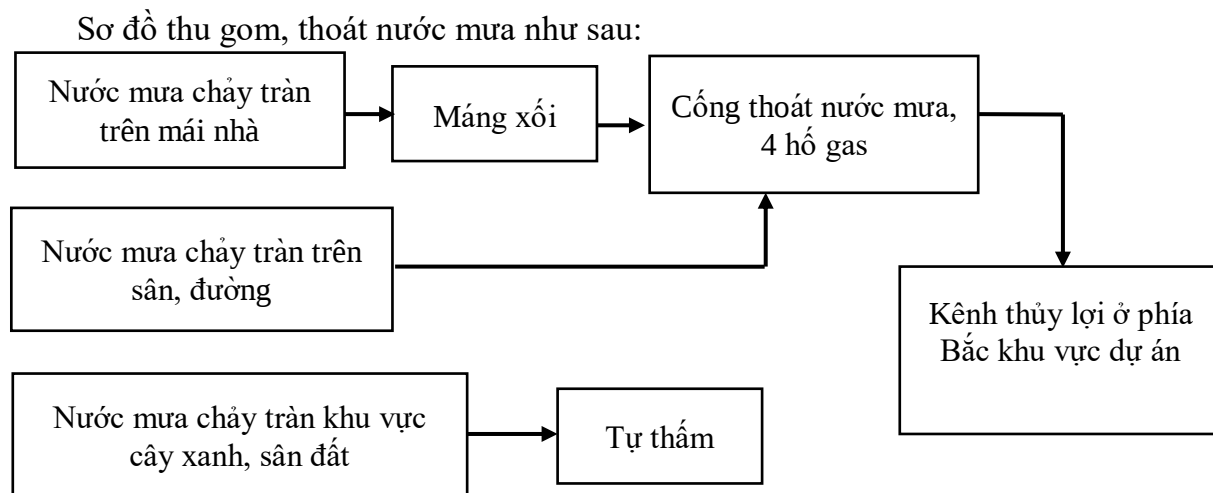
q : Lưu lượng mưa trung bình hàng ngày của tháng có lượng mưa lớn nhất, $q = 415,6 \text{ mm/tháng} = 13,85 \text{ mm/ngày}$ (Theo Cục thống kê Vĩnh Long lượng mưa trung bình tháng lớn nhất giai đoạn 2017-2021 là tháng 06/2020: 415,6 mm/tháng).

a : Hệ số thực nghiệm đặc trưng cho tính chất của mặt phủ. Trong trường hợp khu vực thực hiện dự án đã bê tông hóa, vì vậy chọn $a = 0,9$.

S : Diện tích đất dự án, $S = 2.851,3 \text{ m}^2$.

Vậy $Q = 13,85.10^{-3} \times 0,9 \times 2.851,3 = 35,54 \text{ m}^3/\text{ngày}$

Theo đánh giá nước mưa chảy tràn có chất lượng tương đối sạch, được thu gom thoát nước mưa theo phương pháp tự chảy. Nước mưa chảy tràn trên mái nhà sẽ theo máng xối và các ống thoát nước mưa dẫn vào đường cống thoát nước mưa của dự án (có song chắn rác và 4 hố ga lắng cặn). Nước mưa một phần tự thấm, một phần theo đường thoát nước mưa thoát ra kênh thủy lợi ở phía Bắc khu vực dự án.

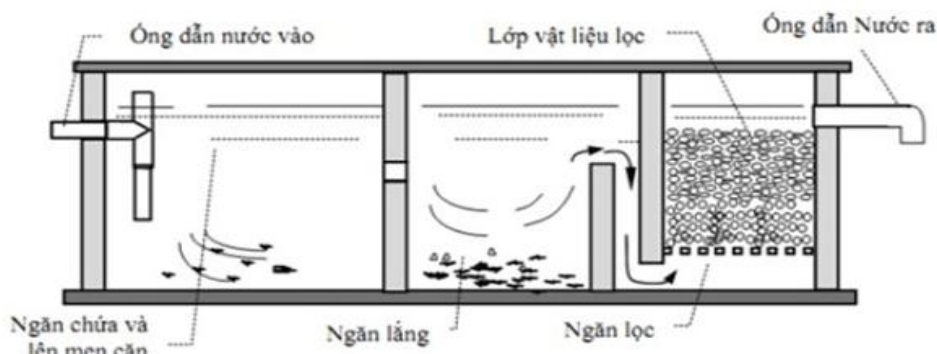


Hình 3: Sơ đồ thu gom, thoát mưa của dự án

b. Thu gom và xử lý nước thải:

- **Nước thải sinh hoạt:** Hoạt động của dự án phát sinh nước thải sinh hoạt của nhân viên khoảng 6,9 m³/ngày (100% lượng nước cấp). Lượng nước này sẽ được thu gom và xử lý bằng 2 hầm tự hoại 03 ngăn, có ngăn lọc, tổng thể tích 13 m³ (1 bể 8 m³ và 1 bể 5 m³). Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại qua hố gas sau đó thoát ra môi trường.

Mô hình hầm tự hoại 03 ngăn như sau:



Hình 4: Sơ đồ hầm tự hoại 03 ngăn

Nguyên lý hoạt động của hầm tự hoại 03 ngăn:

Hầm xử lý được chia làm 03 ngăn với các chức năng xử lý như sau:

- Ngăn chứa (ngăn 1): Ngăn chứa có diện tích lớn nhất trong 3 ngăn, chiếm 1/2 diện tích hầm. Có vai trò là ngăn chứa và lắng các chất ô nhiễm, đồng thời điều hoà lưu lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong nước thải để giúp các ngăn phía sau đảm bảo hiệu suất xử lý. Mặt khác dưới tác dụng của hệ vi sinh vật yếm khí trong bể các chất ô nhiễm cũng được phân giải.

- Ngăn lắng (ngăn 2): Diện tích của ngăn lắng thường được xây dựng bằng ¼ tổng diện tích hầm. Có chức năng lắng cặn và xử lý các vật chất rắn khó phân hủy tại ngăn chứa.

- Ngăn lọc (ngăn 3): Diện tích của ngăn lắng được xây dựng bằng ngăn lọc. khi nước thải vào các ngăn này sẽ chuyển động theo hướng từ dưới lên. Ở ngăn 3 có thêm vật liệu lọc, có chức năng ngăn cặn lơ lửng trôi ra theo nước thải và xử lý các chất ô nhiễm nhờ các vi sinh vật kỵ khí phát triển trên bề mặt của lớp vật liệu lọc.

Nước thải sinh hoạt sau hầm tự hoại qua hố gas sau đó thoát ra môi trường.

4.2.3. Về công trình, biện pháp xử lý bụi, khí thải

Bụi, khí thải từ phương tiện giao thông, máy móc thiết bị: Các biện pháp nhằm giảm thiểu bụi và khí thải từ các hoạt động trên cụ thể như sau:

- **Hoạt động các phương tiện giao thông:** Để giảm thiểu ô nhiễm, định kỳ bảo trì, bảo dưỡng các thiết bị đúng theo quy định của nhà sản xuất, điều phối xe hợp lý để

tránh tập trung quá nhiều xe hoạt động tại trụ sở cùng thời điểm. Sử dụng nhiên liệu có hàm lượng lưu huỳnh thấp. Các phương tiện vận chuyển được cơ quan có thẩm quyền của Bộ Giao thông Vận tải kiểm định, cấp phép lưu hành và còn trong thời hạn sử dụng.

Trồng cây xanh trong khuôn viên của dự án để tăng cường khả năng lọc, giữ bụi, nhằm giảm thiểu khả năng phát tán bụi ra môi trường xung quanh.

- *Hoạt động của máy móc thiết bị*: Để giảm thiểu sự ô nhiễm, định kỳ kiểm tra, bảo dưỡng và sửa chữa (nếu có) để đảm bảo thiết bị luôn hoạt động tốt nhất.

4.2.4. Về công trình biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải rắn

a. Chất thải rắn sinh hoạt:

Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại khu vực dự án chủ yếu là rác thải sinh hoạt của nhân viên làm việc. Thành phần chủ yếu là ni lông, giấy vụn, thức ăn thừa, vỏ trái cây,...

Trong giai đoạn hoạt động thì số lượng cán bộ công nhân viên làm việc 9 người định mức 0,9 kg/người/ngày. Do đó, tổng lượng chất thải sinh hoạt là khoảng 8,1 kg/ngày.

Toàn bộ rác thải sinh hoạt phát sinh được giảm thiểu ô nhiễm bằng cách trang bị thùng chứa rác (4 thùng bằng nhựa có nắp đậy, thể tích 20 lít/1 thùng) thu gom, phân loại rác thải sinh hoạt vào thùng rác; hợp đồng đơn vị thu gom rác địa phương định kỳ vận chuyển xử lý.

b. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Chất thải rắn thông thường phát sinh tại khu vực dự án chủ yếu là các văn phòng phẩm đã qua sử dụng như: giấy, viết, kim bấm, túi đựng hồ sơ và chai nhựa,... khối lượng phát sinh khoảng 10 kg/tháng. Chủ dự án thu gom vào thùng nhựa loại 60 lít có nắp đậy để lưu trữ và định kỳ bán phế liệu.

c. Công trình, biện pháp lưu giữ, xử lý chất thải nguy hại

Trong quá trình hoạt động, tại dự án phát sinh Chất thải nguy hại ước tính như sau:

Bảng 10: Khối lượng và chủng loại chất thải nguy hại giai đoạn vận hành

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	1

3	Bao bì cứng thải bằng nhựa đính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	5
4	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	1
Tổng cộng				8

Tất cả loại chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình hoạt động của dự án được thu gom vào thùng chứa riêng biệt, có nắp đậy kín và lưu giữ trong nhà kho riêng biệt dành cho CTNH.

Dự án sẽ xây dựng kho chất thải nguy hại với diện tích 5m² để thu gom CTNH phát sinh khi dự án đi vào hoạt động.

Kho chứa CTNH đều có kết cấu khung cột bê tông cốt thép, mái lợp tole, vách xây gạch, nền láng xi măng. Kho được dán biểu tượng cảnh báo về chất thải nguy hại theo quy định. Bên trong kho có bố trí các thùng nhựa và từng ô riêng biệt có dán tên loại chất thải nguy hại ứng với từng loại CTNH phát sinh.

Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển, và xử lý chất thải nguy hại theo quy định hoặc tham gia vào Kế hoạch thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh Vĩnh Long.

Thực hiện quản lý theo quy định về quản lý chất thải nguy hại tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022. Cập nhật khối lượng CTNH phát sinh và báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm

4.2.5. Về công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung, bảo đảm quy chuẩn kỹ thuật về môi trường

Tiếng ồn từ các phương tiện tham gia giao thông (xe ô tô, mô tô,...) chủ yếu phát sinh vào ban ngày và xảy ra trong thời gian ngắn. Tiếng ồn chủ yếu ảnh hưởng ở tại khu vực cổng ra vào và khu vực nhà xe, không ảnh hưởng nhiều đến các khu vực khác. Tuy nhiên, có thể áp dụng các biện pháp giảm thiểu tiếng ồn như sau:

- Trồng cây xanh xung quanh khu vực dự án;
- Đặt các biển báo hạn chế tốc độ khi đến gần khu vực cổng trường và hạn chế bóp còi xe trong khu vực gần trường học;
- Đối với tiếng ồn do hoạt động đi lại, nói chuyện của cán bộ công nhân viên không đáng kể do khuôn viên dự án tương đối rộng.

4.2.6. Phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong quá trình vận hành thử nghiệm và khi dự án đi vào vận hành:

- Phòng chống cháy nổ:

Trong công tác phòng chống cháy nổ, Chủ dự án áp dụng các biện pháp sau:

+ Phương án PCCC, tổ chức PCCC thực hiện theo hướng dẫn và quy định của Cơ quan PCCC địa phương. Trong điều kiện sự cố vượt tầm kiểm soát và khả năng ứng phó của đơn vị, chủ dự án thông báo ngay cho cơ quan PCCC của địa phương để xin hỗ trợ kịp thời.

+ Trang bị thiết bị PCCC, loại bình xách tay đặt tại những khu vực có nguy cơ cháy nổ. Các thông số kỹ thuật của bình chữa cháy bao gồm:

- Loại bình: bình xách tay;
- Chất chữa cháy: CO₂;
- Khối lượng: 5kg;
- Thời gian phun: 9s;
- Tầm phun xa: 2m.

- An toàn lao động:

+ Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho nhân viên quản trang phục vụ cho công tác lao động (phát cỏ, làm cỏ, vệ sinh các khu mộ,...)

+ Trang bị đầy đủ các dụng cụ y tế, thuốc men, bông băng để sơ cấp cứu kịp thời khi nhân viên bị tai nạn.

+ Thực hiện đầy đủ bảo hiểm y tế và bảo hiểm xã hội cho nhân viên trong cơ sở.

4.2.7. Biện pháp bảo vệ môi trường đối với nguồn nước công trình thủy lợi khi có hoạt động xả nước thải vào công trình thủy lợi: Không có.

4.3. Tổ chức thực hiện các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường

4.3.1. Dự toán kinh phí đối với các công trình bảo vệ môi trường

Bảng 11: Dự toán kinh phí và tổ chức thực hiện, vận hành các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

Các công trình, biện pháp BVMT	Kế hoạch thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)
Giai đoạn thi công		
- Trang bị dụng cụ bảo hộ lao động trong thời gian thi công	Tháng 01/2024 → 12/2024	30.000.000
- Lắp đặt các bể tự hoại 03 ngăn xử lý nước thải sinh hoạt, xây dựng tuyến thoát nước thải sinh hoạt	Tháng 01/2024 → 12/2024	80.000.000
Giai đoạn hoạt động của dự án		

Các công trình, biện pháp BVMT	Kế hoạch thực hiện	Dự kiến kinh phí thực hiện (VNĐ)
- Bố trí các thùng rác chứa chất thải rắn sinh hoạt, CTR công nghiệp thông thường, CTNH cho dự án	Từ tháng 01/2025	5.000.000
- Kinh phí thu gom chất thải	Từ tháng 01/2025	2.880.000/năm

- Chủ dự án sẽ chịu trách nhiệm pháp lý đối với tất cả các công tác bảo vệ môi trường của dự án trong suốt giai đoạn xây dựng và khi dự án đi vào hoạt động.
- Chủ dự án sẽ giám sát tất cả các hoạt động của đơn vị thi công (có hợp đồng trực tiếp với chủ đầu tư) khi thực hiện thi công tại khu vực dự án.
- Chủ dự án sẽ thực hiện các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu đến môi trường và ảnh hưởng đến sức khỏe của cán bộ, nhân viên làm việc tại khu vực dự án.
- Chủ dự án sẽ đầu tư xây dựng hạ tầng các công trình bảo vệ môi trường theo đúng thiết kế và theo kế hoạch.

4.3.2. Tổ chức, bộ máy quản lý vận hành các công trình bảo vệ môi trường

❖ Giai đoạn chuẩn bị và giai đoạn xây dựng

Chủ dự án thỏa thuận với đơn vị thi công (nhà thầu) để thực hiện các biện pháp bảo vệ môi trường. Đồng thời Chủ dự án sẽ giám sát các hoạt động của đơn vị thi công trong công tác bảo vệ môi trường.

❖ Giai đoạn hoạt động

Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng thành phố Vĩnh Long sẽ bàn giao lại cho địa phương để quản lý hoạt động của Trung tâm Văn hóa – Thể thao cụm Phường 1, Phường 5 theo đúng quy định của tỉnh Vĩnh Long.

4.4. Nhận xét về mức độ chi tiết, độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

4.4.1. Nhận xét khách quan về mức độ chi tiết của các kết quả đánh giá, dự báo

Đánh giá các tác động môi trường của dự án đến các đối tượng chịu tác động đều tuân thủ theo một trình tự:

- Xác định và định lượng (nếu có thể) nguồn gây tác động theo từng hoạt động (hoặc từng thành phần của các hoạt động) gây tác động của dự án;
- Xác định quy mô không gian và thời gian của các đối tượng bị tác động;
- Đánh giá tác động dựa trên quy mô nguồn gốc tác động, quy mô không gian, thời gian, tính nhạy cảm của đối tượng chịu tác động.

Các đánh giá không chỉ xem xét tới các tác động trực tiếp từ hoạt động của dự án mà còn được xem xét tới những tác động gián tiếp như là hậu quả của những biến đổi của các yếu tố môi trường đối với các tác động này.

Các đánh giá về các tác động của dự án là khá chi tiết và cụ thể. Chính vì vậy mà dự án đã đề ra được các biện pháp giảm thiểu các tác động xấu, phòng ngừa và ứng phó sự cố một cách khả thi.

4.4.2. Nhận xét khách quan về mức độ tin cậy của các kết quả đánh giá, dự báo

Độ tin cậy của các đánh giá tác động môi trường liên quan đến chất thải được trình bày trong bảng sau:

Bảng 12: Mức độ tin cậy của các đánh giá

STT	Các đánh giá	Mức độ chi tiết	Độ tin cậy	Diễn giải
1	Khí thải từ hoạt động giao thông vận tải, sử dụng máy móc, thiết bị thi công	Định lượng tác động. Hệ số ô nhiễm do Tổ chức Y tế Thế giới (WHO) và UNEP thiết lập	Trung bình	Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính
2	Nước thải sinh hoạt	Định lượng tác động. Tham khảo QCVN 01:2021/BXD – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng	Cao	Xác định thành phần và tính chất nước thải. Định lượng tải lượng và nồng độ nước thải phát sinh. Độ tin cậy cao, sử dụng các số liệu của dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể)
3	Chất thải rắn	Tham khảo khối lượng phát sinh thực tế từ tài liệu của WHO. Sử dụng Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.	Cao	Độ tin cậy cao, sử dụng các số liệu của dự án (căn cứ trên các định mức cụ thể)
4	Đánh giá tác động không liên quan đến chất thải	Tổng hợp các tài liệu về kết quả tình hình ô nhiễm tại xưởng nhuộm hiện hữu; so sánh với các dự án tương tự; so sánh với tiêu chuẩn, quy chuẩn Việt Nam	Trung bình	Độ tin cậy trung bình do tác động ở mức định tính
5	Đánh giá các sự cố, rủi ro của dự	Tổng hợp tài liệu nghiên cứu các sự cố có khả năng xảy ra	Trung bình	Đánh giá định tính

	án	trong dự án và các giải pháp thực hiện hiệu quả		
--	----	--	--	--

CHƯƠNG V

NỘI DUNG ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

5.1. Nội dung đề nghị cấp phép đối với nước thải:

Tổng lượng nước thải phát sinh $6,9 \text{ m}^3/\text{ngày} < 20 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) nên thuộc đối tượng được miễn đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường theo quy định tại khoản 11 điều 1 Nghị định số 40/2019/NĐ-CP.

5.2. Nội dung đề nghị cấp phép đối với khí thải (nếu có): Không có

5.3. Nội dung đề nghị cấp phép đối với tiếng ồn, độ rung:

a. Nguồn phát sinh tiếng ồn: do dự án là trung tâm văn hoá – thể thao nên việc phát sinh tiếng ồn trong quá trình hoạt động là không cao. Một số hoạt động có thể gây phát sinh tiếng ồn có thể kể đến như sau:

- Tiếng ồn do hoạt động của phương tiện giao thông phát ra từ động cơ và do sự rung động của các bộ phận xe. Các loại xe khác nhau sẽ phát sinh ra các mức độ ồn khác nhau.

- Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của cán bộ công nhân viên trung tâm và hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao tại trung tâm.

b. Giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung

Tiếng ồn phát sinh từ hoạt động của dự án không lớn và đều diễn ra một cách cục bộ và ở mức ồn không cao, tác động đến môi trường xung quanh là không đáng kể.

Nhằm giảm thiểu tiếng ồn, độ rung phát sinh từ hoạt động giao thông trong giai đoạn hoạt động, chủ Dự án sẽ thực hiện trồng cây xanh đúng theo tỷ lệ thiết kế, nhất là các cây có chiều cao và tán rộng cũng là biện pháp cải thiện môi trường và giảm thiểu tiếng ồn, độ rung nhằm đảm bảo chất lượng tiếng ồn, độ rung đạt QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 24:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc và QCVN 27:2016/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về rung - mức rung cho phép tại nơi làm việc

c. Đối với độ rung: Hoạt động của trường học không phát sinh độ rung.

5.4. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở thực hiện dịch vụ xử lý chất thải nguy hại (nếu có): Không có.

5.5. Nội dung đề nghị cấp phép của cơ sở có nhập khẩu phế liệu từ nước ngoài làm nguyên liệu sản xuất (nếu có): Không có.

5.6. Nội dung đề nghị cấp phép đối với chất thải rắn:

5.6.1. Chất thải nguy hại (CTNH):

a. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

TT	Tên chất thải nguy hại	Trạng thái	Mã CTNH	Số lượng (kg/tháng)
1	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	1
2	Pin, ắc quy thải	Rắn	19 06 01	1
3	Bao bì cứng thải bằng nhựa dính nhiễm thành phần nguy hại	Rắn	18 01 03	5
4	Hộp chứa mực in thải	Rắn	08 02 04	1
Tổng cộng				8

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

- Thiết bị lưu chứa: 02 thùng nhựa có nắp đậy, loại 20 lít/1 thùng.

- Kho chứa CTNH:

+ Diện tích kho chứa CTNH: khoảng 5m².

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền bê tông, vách tôn, mái tôn, khung thép tiền chế, có cửa kín.

5.6.2. Chất thải rắn công nghiệp thông thường:

a. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh thường xuyên:

STT	Nguồn phát sinh chất thải rắn	Khối lượng (kg/tháng)
1	Giấy văn phòng, tài liệu,...	10
2	Chai nhựa	5
Tổng số lượng		15

- Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

Bố trí 01 thùng loại 60 lít, có nắp đậy.

5.6.3. Chất thải rắn sinh hoạt:

a. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh thường xuyên: Khoảng 8,1 kg/ngày.

b. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

- Thiết bị lưu chứa: 4 thùng bằng nhựa có nắp đậy, thể tích 20 lít/1 thùng.
- Khu vực lưu chứa:
 - + Diện tích khu vực lưu chứa (khu vực để thùng chứa rác): 5m².
 - + Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: nền xi măng.

CHƯƠNG VI

KẾ HOẠCH VẬN HÀNH THỬ NGHIỆM CÔNG TRÌNH XỬ LÝ CHẤT THẢI VÀ CHƯƠNG TRÌNH QUAN TRẮC MÔI TRƯỜNG CỦA DỰ ÁN

6.1. Kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải của dự án đầu tư

Dự án không thuộc đối tượng vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải. Do đó, dự án không đề xuất kế hoạch vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải.

6.2. Chương trình quan trắc chất thải (tự động, liên tục và định kỳ) theo quy định của pháp luật

- Theo quy định tại khoản 1,2 Điều 111 và khoản 1,2 Điều 112 Luật Bảo vệ Môi trường 2020 và khoản 1 Điều 97 và khoản 1 Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ: Hoạt động của dự án không thuộc đối tượng quan trắc tự động liên tục và quan trắc định kỳ. Do đó, Dự án không đề xuất chương trình quan trắc, giám sát môi trường nước thải, khí thải ở chương này.

- Giám sát chất thải rắn thông thường và CTNH:

+ Chất thải rắn thông thường: theo dõi, giám sát việc thu gom chất thải rắn sinh hoạt vào nơi chứa; lưu giữ hợp đồng và chứng từ hoặc giấy tờ có liên quan đến việc chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt cho đơn vị có chức năng vận chuyển, xử lý.

+ Chất thải nguy hại: Thực hiện khai báo khối lượng, loại chất thải nguy hại phát sinh trong hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường; Chất thải nguy hại được phân loại trước khi đưa vào khu vực lưu trữ chất thải nguy hại; Hợp đồng với đơn vị có chức năng vận chuyển và xử lý chất thải nguy hại phát sinh tại dự án theo đúng quy định; lưu giữ hợp đồng, liên chứng từ CTNH và quản lý CTNH theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT.

CHƯƠNG VII: CAM KẾT CỦA CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ

Báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Trung tâm Văn hóa, Thể thao cụm phường 1 - phường 5” tại phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long được thành lập trên mẫu Phụ lục XI – Mẫu báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư nhóm III của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật bảo vệ môi trường.

Chủ dự án cam kết các nội dung như sau:

- Chủ dự án cam kết về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật Việt Nam.
- Chủ dự án cam kết tuân thủ các quy định chung về bảo vệ môi trường có liên quan đến các giai đoạn của dự án.
- Chủ dự án cam kết thực hiện đầy đủ về các giải pháp, biện pháp bảo vệ môi trường.
- Cam kết thực hiện các quy định của pháp luật về công tác phòng chống cháy nổ, an toàn lao động và các quy định khác có liên quan hoạt động của dự án. Cam kết đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường trong trường hợp để xảy ra các sự cố trong quá trình hoạt động của dự án.

PHỤ LỤC

- Phụ lục 1: Các văn bản pháp lý kèm theo
- Phụ lục 2: Các Sơ đồ bản vẽ
- Phụ lục 3: Phiếu kết quả phân tích

PHỤ LỤC 1
CÁC VĂN BẢN PHÁP LÝ KÈM THEO

PHỤ LỤC 2
CÁC SƠ ĐỒ BẢN VẼ

PHỤ LỤC 3
PHIẾU KẾT QUẢ PHÂN TÍCH